



HAI MINH
CORPORATION

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17 Pearl Plaza – 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: (08) 35.128.668

FAX: (08) 35.128688

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

QUÍ II NĂM 2018
(MÃ CK: HMH)

TP.HCM, Ngày 28 tháng 07 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

MẪU B01a-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư	
			30/06/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		108.689.151.896	66.497.070.275
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	33.082.415.212	30.036.771.057
1. Tiền	111		3.582.415.212	8.036.771.057
2. Các khoản tương đương tiền	112		29.500.000.000	22.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	34.703.397.849	10.918.946.736
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	18.549.807.605	9.529.406.637
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(5.235.949.855)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	21.389.540.099	1.389.540.099
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.406.667.490	24.574.420.263
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	14.498.064.254	13.179.913.270
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	26.697.403.236	11.986.106.993
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(788.800.000)	(591.600.000)
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	121.320.771	260.714.026
Hàng tồn kho	141		121.320.771	260.714.026
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		375.350.574	706.218.193
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	375.350.574	599.492.993
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	106.725.200
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		165.306.001.730	191.354.517.861
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.000.000	367.088.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	5.000.000	367.088.000
II. Tài sản cố định	220		36.068.575.663	38.700.442.378
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	35.504.573.802	38.129.448.759
Nguyên giá	222		47.371.903.913	53.756.585.597
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.867.330.111)	(15.627.136.838)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	564.001.861	570.993.619
Nguyên giá	228		601.291.237	601.291.237
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(37.289.376)	(30.297.618)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		194.363.636	925.479.999
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	194.363.636	925.479.999
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		127.929.336.819	150.290.556.270
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	122.145.320.000	122.145.320.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10a	-	25.245.219.451
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.10b	5.784.016.819	2.900.016.819
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.108.725.612	1.070.951.214
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	1.108.725.612	1.070.951.214
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		273.995.153.626	257.851.588.136

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2018

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 30/06/2018	Số dư 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		13.353.714.227	8.031.531.691
I. Nợ ngắn hạn	310		13.168.714.227	7.846.531.691
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	3.684.520.769	4.476.313.881
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.440.900.969	917.251.295
3. Phải trả người lao động	314		552.887.730	717.859.905
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		333.001.745	335.098.096
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	1.257.051.877	907.592.226
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21	4.989.052.949	-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	-	63.548.886
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	911.298.188	428.867.402
II. Nợ dài hạn	330		185.000.000	185.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	185.000.000	185.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		260.641.439.399	249.820.056.445
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	260.641.439.399	249.820.056.445
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.998.470.000	131.998.470.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>131.998.470.000</i>	<i>131.998.470.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.893.984.271	5.893.984.271
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.614.442.869	6.614.442.869
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		116.134.542.259	105.313.159.305
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>89.762.445.835</i>	<i>84.612.475.717</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>26.372.096.424</i>	<i>20.700.683.588</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		273.995.153.626	257.851.588.136

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2018



NGUYỄN THẾ HÙNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 56/1A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Quý II năm 2018
 (Có so sánh với số liệu Quý II năm 2017)

Mẫu B02a-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
			năm 2018	năm 2017		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		7.447.113.754	10.837.747.418	16.223.298.202	19.920.741.431
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	7.447.113.754	10.837.747.418	16.223.298.202	19.920.741.431
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	7.598.033.771	8.162.303.116	15.838.153.238	15.412.909.007
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(150.920.017)	2.675.444.302	385.144.964	4.507.832.424
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	34.668.880.721	16.386.511.417	39.089.784.438	16.600.171.424
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7.248.096.259	10.294.987	9.799.029.057	47.057.957
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		189.545.721	-	267.481.576	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	1.244.714.508	791.264.493	2.325.031.187	1.989.637.887
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.025.149.937	18.260.396.239	27.350.869.158	19.071.308.004
11. Thu nhập khác	31		249.464.944	-	200.822.159	258.545.456
12. Chi phí khác	32		46.886.700	-	46.896.332	252.906.989
13. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.6	202.578.244	-	153.925.827	5.638.467
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.227.728.181	18.260.396.239	27.504.794.985	19.076.946.471
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	877.285.200	465.034.326	1.132.698.561	628.344.372
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25.350.442.981	17.795.361.913	26.372.096.424	18.448.602.099

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2018



NGUYỄN THẾ HƯNG
 Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
 Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II năm 2018

MẪU B 03a-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		27.504.794.985	19.076.946.471
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.653.067.903	2.323.302.152
- Các khoản dự phòng	03		5.369.600.969	-
- (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.058.015)	9.102.401
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(34.303.925.093)	(16.588.932.179)
- Chi phí lãi vay	06		267.481.576	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.489.962.325	4.820.418.845
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09		6.945.109.502	(2.050.902.680)
- Tăng hàng tồn kho	10		139.393.255	402.628.568
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(317.825.500)	938.767.016
- Tăng chi phí trả trước	12		186.368.021	487.012.477
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(9.020.400.968)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(267.481.576)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(800.000.000)	(705.144.491)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.955.137.863)	(1.275.385.588)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.600.012.804)	2.617.394.147
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(531.109.090)	(1.677.181.818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		200.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20.000.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.884.000.000)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		35.045.314.144	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.039.111.136	3.136.417.791
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		14.869.316.190	1.459.235.973
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		57.477.882.356	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(52.488.829.407)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.213.770.195)	(19.785.847.305)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.224.717.246)	(19.785.847.305)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		3.044.586.140	(15.709.217.185)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		30.036.771.057	32.524.169.106
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.058.015	(9.102.401)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		33.082.415.212	16.805.849.520

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2018

NGUYỄN THỊ HƯNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2018

MẪU B09a-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hải Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 ngày 24 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 10 năm 2004, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 4 năm 2006, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 VND lên 20.000.000.000 VND và bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung: Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán, cho thuê tàu và thiết bị hàng hải).
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 5 ngày 03 tháng 10 năm 2006, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 VND lên 50.000.000.000 VND và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Bùi Duy Ước – Chức danh: Giám đốc sang Ông Nguyễn Thành Chương – Chức danh: Giám đốc.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 03 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 7 ngày 10 tháng 9 năm 2007, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 18 A Ngô Văn Năm, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sang số 57 - 59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 4 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành nông nghiệp).
- Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 21 tháng 01 năm 2010, chuẩn y việc thay đổi mã số đăng ký doanh nghiệp từ số 4103000801 sang số 0302525162 và chuẩn y thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 57 - 59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sang Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 01 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh sang số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Ông Nguyễn Thành Chương – Chức danh: Giám đốc sang Ông Nguyễn Quốc Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 12 ngày 13 tháng 01 năm 2015, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty từ Ông Nguyễn Quốc Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc sang Ông Nguyễn Thế Hưng - Chức danh: Tổng Giám đốc.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 13 ngày 20 tháng 5 năm 2016, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 VND lên 131.998.470.000 VND
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 đăng ký thay đổi lần thứ 14 chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh sang tầng 17 – tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán điều chỉnh lần 3 số 172/2010/GCNCP-VSD-3 ngày 15 tháng 1 năm 2016 với nội dung chấp nhận Công ty Cổ phần Hải Minh thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ 10.000.000 cổ phiếu lên 13.199.847 cổ phiếu liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 131.998.470.000 VND.

- **Vốn điều lệ** : 131.998.470.000 VND
Số cổ phiếu : 13.199.847 cổ phiếu
Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 08 35128 668
- Fax : 08 35128 688
- Mã số thuế : **0 3 0 2 5 2 5 1 6 2**

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay là sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ và 3 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Chi tiết như sau:

Công ty con

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	96,08%	96,08%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	100,00% (trong đó: 99,92% trực tiếp và 0,08% gián tiếp)	100,00%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa
Công ty TNHH DV Hàng hải Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	100,00% (trong đó: 99,00% trực tiếp và 1,00% gián tiếp)	100,00%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 43 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 61 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 là kỳ kế toán năm thứ 17 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) được hạch toán theo tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày Báo cáo tài chính riêng, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày Báo cáo tài chính riêng. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ;
- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại ngày Báo cáo tài chính riêng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính riêng.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản đầu tư vào công ty con, các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính riêng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính riêng. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;
- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính riêng, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính riêng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng và phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính riêng đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính riêng. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	43
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 15
Thiết bị văn phòng	5

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	<u>Số năm</u>
Tài sản khác	5 – 10
10. Tài sản cố định vô hình và khấu hao	
Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất.	
<i>Quyền sử dụng đất</i>	
Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất.	
11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các dự án đầu tư đóng sà lan, chi phí xây dựng cơ bản các công trình chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính riêng.	
12. Chi phí trả trước	
Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước chi phí sửa chữa, chi phí kiểm định, phí bảo hiểm, công cụ dụng cụ và các chi phí khác.	
Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.	
Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các chi phí văn phòng, chi phí sửa chữa và chi phí khác đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 5 năm;	
13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả	
Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.	
Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:	
<ul style="list-style-type: none">- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.	

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ, các khoản tiền bên nhận ủy thác của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chưa giải quyết, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

14. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính riêng. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Tiền mặt	613.517.166	438.384.229
Tiền gửi ngân hàng	2.968.898.046	6.373.359.372
Tiền đang chuyển	-	1.225.027.456
Các khoản tương đương tiền (i)	<u>29.500.000.000</u>	<u>22.000.000.000</u>
Cộng	<u>33.082.415.212</u>	<u>30.036.771.057</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,8%/năm đến 6%/năm.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**2. Đầu tư tài chính ngắn hạn****Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	-	-	1.521.150.650	1.581.000.000	-
- Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	1.006.211.750	520.500.000	485.711.750	1.609.788.583	1.655.000.000	-
- Tập đoàn Bảo Việt	-	-	-	1.531.528.699	1.632.500.000	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	-	-	-	4.866.938.705	5.184.000.000	-
- Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	4.766.205.500	3.150.600.000	1.615.605.500	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	5.229.587.550	3.909.015.000	1.320.572.550	-	-	-
- Công ty CP FPT	1.926.886.000	1.441.300.500	485.585.500	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Á châu	4.187.659.680	3.029.692.250	1.157.967.430	-	-	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh	481.856.125	407.250.000	74.606.125	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	341.345.500	318.750.000	22.595.500	-	-	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	429.785.500	363.750.000	66.035.500	-	-	-
- Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	180.270.000	173.000.000	7.270.000	-	-	-
Cộng	18.549.807.605	13.313.857.750	5.235.949.855	9.529.406.637	10.052.500.000	-

Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

Đối với các chứng khoán được niêm yết, giá hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày Báo cáo tài chính.

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	21.389.540.099	21.389.540.099	1.389.540.099	1.389.540.099
Cộng	21.389.540.099	21.389.540.099	1.389.540.099	1.389.540.099

Tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 6% đến 7% /năm (năm 2017 là 6,8%).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2018	01/01/2018
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	14.498.064.254	13.179.913.270
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	-	2.533.902.494
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	356.224.642	327.103.606
Công ty cổ phần Hàng hải Hưng Phú	1.972.000.000	1.972.000.000
Công ty TNHH Hàng Hải Hải Minh	37.800.000	280.000.000
Các khách hàng khác	12.132.039.612	8.066.907.170
Cộng	14.498.064.254	13.179.913.270

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	-	2.533.902.494
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	356.224.642	327.103.606
Công ty TNHH Hàng Hải Hải Minh	37.800.000	280.000.000
Cộng	394.024.642	3.141.006.100

4. Phải thu khác

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	26.697.403.236	-	11.986.106.993	-
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	13.369.168.883	-	6.352.378.277	-
Tạm ứng nhân viên	154.042.568	-	175.804.333	-
Ký cược, ký quỹ C.ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	1.811.259.400	-	2.868.182.115	-
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	1.324.842.126	-	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	1.329.321.900	-	1.329.321.900	-
DongBu Express	7.435.394.531	-	-	-
Lãi dự thu	461.237.228	-	187.976.524	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	561.136.600	-	691.443.844	-
b) Phải thu dài hạn khác	5.000.000	-	367.088.000	-
Đặt cọc tiền thuê kho bãi	-	-	367.088.000	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	5.000.000	-	-	-
Cộng	26.702.403.236	-	12.353.194.993	-

Phải thu khác là các bên liên quan

C.ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	1.811.259.400	-	2.868.182.115	-
-----------------------------	---------------	---	---------------	---

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	1.324.842.126	-	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	1.329.321.900	-	1.329.321.900	-
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	13.369.168.883	-	6.352.378.277	-
DongBu Express	7.435.394.531	-	-	-

5. Hàng tồn kho

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	121.320.771	-	260.714.026	-
Cộng	121.320.771	-	260.714.026	-

6. Chi phí trả trước

	01/01/2018	Phát sinh trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	30/06/2018
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	599.492.993	338.556.637	562.699.056	375.350.574
b) Chi phí trả trước dài hạn	1.070.951.214	372.240.500	334.466.102	1.108.725.612
Cộng	1.670.444.207	710.797.137	897.165.158	1.484.076.186

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý I năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**7. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc		Thiết bị văn phòng		TSCĐ khác	Cộng
		Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Cộng		
01/01/2018	14.505.410.057	35.025.632.194	172.415.073	4.053.128.273	53.756.585.597		
Tăng trong năm	-	1.262.225.453	-	-	1.262.225.453		
Giảm trong năm	-	4.347.879.091	-	3.299.028.046	7.646.907.137		
30/06/2018	14.505.410.057	31.939.978.556	172.415.073	754.100.227	47.371.903.913		
Giá trị hao mòn lũy kế							
01/01/2018	730.892.734	11.869.370.001	172.415.073	2.854.459.030	15.627.136.838		
Tăng trong kỳ	168.667.554	1.750.051.925	-	727.356.666	2.646.076.145		
Giảm trong kỳ	-	3.106.854.826	-	3.299.028.046	6.405.882.872		
30/06/2018	899.560.288	10.512.567.100	172.415.073	282.787.650	11.867.330.111		
Giá trị còn lại							
01/01/2018	13.774.517.323	23.156.262.193	-	1.198.669.243	38.129.448.759		
30/06/2018	13.605.849.769	21.427.411.456	-	471.312.577	35.504.573.802		

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, một số tài sản cố định hữu hình hết thời gian khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 264.395.073 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 737.468.709 VND).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
01/01/2018	601.291.237	601.291.237
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
30/06/2018	601.291.237	601.291.237
Giá trị hao mòn lũy kế		
01/01/2018	30.297.618	30.297.618
Tăng trong kỳ	6.991.758	6.991.758
Giảm trong kỳ	-	-
30/06/2018	37.289.376	37.289.376
Giá trị còn lại		
01/01/2018	570.993.619	570.993.619
30/06/2018	564.001.861	564.001.861

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2018	01/01/2018
Mua sắm tài sản cố định	-	731.116.363
Công trình bộ trụ cầu cố định Phú Quốc	194.363.636	194.363.636
Cộng	194.363.636	925.479.999

10. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Đầu tư vào các công ty con (a)	122.145.320.000	122.145.320.000
Đầu tư vào các công ty liên kết (b)	-	25.245.219.451
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (c)	5.784.016.819	2.900.016.819
Cộng	127.929.336.819	150.290.556.270

a) Đầu tư vào các Công ty con

Chi tiêu	30/06/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con						
Công ty TNHH Hàng hải HM	41.580.000.000	-	41.580.000.000	41.580.000.000	-	41.580.000.000
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	34.604.120.000	-	34.604.120.000	34.604.120.000	-	34.604.120.000
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	45.961.200.000	-	45.961.200.000	45.961.200.000	-	45.961.200.000
Cộng	122.145.320.000	-	122.145.320.000	122.145.320.000	-	122.145.320.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

b) Đầu tư vào các Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 như sau:

Chỉ tiêu	30/06/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty TNHH Kline Việt Nam	-	-	-	18.175.783.651	-	18.175.783.651
Công ty TNHH Dongbu Hai Minh	-	-	-	7.069.435.800	-	7.069.435.800
Cộng	-	-	-	25.245.219.451	-	25.245.219.451

Trong năm Công ty đã thoái vốn các khoản đầu tư theo các hợp đồng như sau:

- Công ty TNHH “K” Line (Việt Nam) theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 30 tháng 8 năm 2018 giữa KAWASAKI KISEN KAISHA, LTD., và Công ty Cổ phần Hải Minh.
- Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2018/HĐCN ngày 01 tháng 06 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Hải Minh, DONGBU EXPRESS CO., LTD và Công ty TNHH MTV Savitrans.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An (*)	5.784.016.819	-	8.349.750.000	2.900.016.819	-	8.250.000.000
Cộng	5.784.016.819	-	8.349.750.000	2.900.016.819	-	8.250.000.000

- (*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tương ứng với 618.500 cổ phiếu tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 8.349.750.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 giá trị hợp lý là 8.250.000.000 VND tương ứng với 412.500 cổ phiếu). Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày Báo cáo tài chính.

11. Phải trả người bán

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công Ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	2.084.876.000	2.084.876.000	1.509.426.209	1.509.426.209
Công ty TNHH TV Hải Minh	18.600.000	18.600.000	60.750.000	60.750.000
Khách hàng khác	1.581.044.769	1.581.044.769	2.906.137.672	2.906.137.672
Cộng	3.684.520.769	3.684.520.769	4.476.313.881	4.476.313.881
Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty TNHH TV Hải Minh	18.600.000	18.600.000	60.750.000	60.750.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2018	Số phải nộp	Số đã nộp	30/06/2018
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	-	426.608.519	178.922.412	247.686.107
Thuế thu nhập doanh nghiệp	620.750.825	1.303.046.300	800.000.000	1.123.797.125
Thuế thu nhập cá nhân	243.226.186	578.060.441	815.618.177	5.668.450
<i>Các loại thuế khác</i>	53.274.284	379.379.239	368.904.236	63.749.287
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế nhà thầu	53.274.284	376.379.239	365.904.236	63.749.287
Cộng	917.251.295	2.687.094.499	2.163.444.825	1.440.900.969

13. Phải trả khác

	30/06/2018	01/01/2018
a) Phải trả ngắn hạn khác	1.257.051.877	907.592.226
Kinh phí công đoàn	100.000	9.869.430
BHXH	92.946.300	125.578.200
BHYT	18.075.000	23.836.350
BHTN	7.631.500	10.202.600
Cổ tức hải trả	-	13.923.195
Công ty TNHH TV Hải Minh	198.300.000	75.000.000
Công ty TNHH Hàng Hải Hải Minh	-	49.500.000
Công ty TNHH TV Nam Phát	209.400.000	98.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	730.599.077	501.682.451
b) Phải trả dài hạn khác	185.000.000	185.000.000
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh – Ký quỹ thuê văn phòng	140.000.000	140.000.000
Công ty TNHH SCHUNK INTEC	30.000.000	30.000.000
Tài xế - Nhận ký quỹ dài hạn	15.000.000	15.000.000
Cộng	1.442.051.877	1.092.592.226
Phải trả khác là các bên liên quan		
Công ty TNHH TV Hải Minh	198.300.000	75.000.000
Công ty TNHH Hàng Hải Hải Minh	-	49.500.000
Công ty TNHH TV Nam Phát	209.400.000	98.000.000
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh – Ký quỹ thuê văn phòng	140.000.000	140.000.000

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chỉ tiêu	01/01/2018	Trích lập các quỹ trong kỳ	Phân bổ quỹ về Công ty con	Chi trong năm	30/06/2018
Quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng	36.689.494	1.307.441.859	(576.400.000)	(198.800.000)	568.931.353
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	392.177.908	1.098.172.756	-	(1.147.983.829)	342.366.835
Cộng	428.867.402	2.405.614.615	(576.400.000)	(1.346.783.829)	911.298.188

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư 01/01/2017	131.998.470.000	5.893.984.271	6.614.442.869	101.737.146.831	246.244.043.971
Lợi nhuận năm 2017	-	-	-	20.700.683.588	20.700.683.588
Trích quỹ các quỹ	-	-	-	(2.844.705.821)	(2.844.705.821)
Chia cổ tức	-	-	-	(13.199.847.000)	(13.199.847.000)
Giảm khác	-	-	-	(1.080.118.293)	(1.080.118.293)
Số 01/01/2018	131.998.470.000	5.893.984.271	6.614.442.869	105.313.159.305	249.820.056.445
Số dư 01/01/2018	131.998.470.000	5.893.984.271	6.614.442.869	105.313.159.305	249.820.056.445
Lợi nhuận 6 tháng năm 2018	-	-	-	26.372.096.424	26.372.096.424
Trích lập các quỹ	-	-	-	(2.405.614.615)	(2.405.614.615)
Chia cổ tức(*)	-	-	-	(13.199.847.000)	(13.199.847.000)
Tặng khác	-	-	-	54.748.145	54.748.145
30/06/2018	131.998.470.000	5.893.984.271	6.614.442.869	116.134.542.259	260.641.439.399

(*) Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-2017/NQ-DHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2017 và theo Nghị quyết 06-2017/QĐ-HĐQT ngày 21 tháng 12 năm 2017: chia cổ tức 10% bằng tiền mặt.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tên cổ đông	30/06/2018		01/01/2018	
	Tỷ lệ	Cổ phiếu	Tỷ lệ	Cổ phiếu
Peter Eric Dennis	9,05%	1.194.500	5,16%	681.500
Ông Nguyễn Thế Quân	3,99%	526.718	3,99%	526.718
Ông Nguyễn Quốc Hùng	3,31%	437.385	3,31%	437.385
Pyn Elite Fund (Non - ucits)	2,89%	381.000	2,89%	381.000
Ông Lê Ngọc Đức	2,59%	341.886	2,59%	341.886
Ông Nguyễn Văn Hà	2,58%	340.185	2,58%	340.185
Ông Phùng Văn Quang	2,56%	337.904	2,56%	337.904
Bà Nguyễn Mỹ Hải	2,53%	334.273	2,53%	334.273
Các cổ đông khác	70,50%	9.305.996	74,39%	9.818.996
Cộng	100%	13.199.847	100,00%	13.199.847
		131.998.470.000		131.998.470.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cổ phiếu	30/06/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.200.000	13.200.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	13.199.847	13.199.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.847</i>	<i>13.199.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.199.847	13.199.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.847</i>	<i>13.199.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

16. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng*Ngoại tệ các loại*

	Đơn vị tính	30/06/2018	01/01/2017
Đô la Mỹ	USD	12.338,51	22.584,52

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý II năm 2018	Quý II năm 2017	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Tổng doanh thu				
Dịch vụ vận tải	3.255.344.800	4.765.783.712	6.179.329.153	7.181.384.942
Dịch vụ khai thác kho bãi	1.561.959.294	1.765.822.641	4.044.478.246	4.196.078.232
Dịch vụ đại lý container	2.352.694.501	3.984.660.640	5.454.789.864	8.016.574.796
Cho thuê văn phòng	277.115.159	203.298.607	544.700.939	408.521.643
Doanh thu bán hàng hóa	-	118.181.818	-	118.181.818
Cộng	7.447.113.754	10.837.747.418	16.223.298.202	19.920.741.431

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn dịch vụ vận tải	3.487.376.039	3.901.345.457	6.976.100.207	6.869.162.911
Giá vốn khai thác kho bãi	2.501.573.493	1.997.947.402	5.158.664.087	4.110.536.946
Giá vốn đại lý container	1.463.066.884	1.994.250.441	3.421.226.779	4.021.037.090
Giá vốn cho thuê văn phòng	146.017.355	141.487.816	282.162.165	284.900.060
Giá vốn hàng hóa	-	127.272.000	-	127.272.000
Cộng	7.598.033.771	8.162.303.116	15.838.153.238	15.412.909.007

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Lãi tiền gửi ngân hàng	648.494.343	379.302.956	738.889.257	435.055.385
Cổ tức, lợi tức được chia từ công ty liên kết	19.005.873.520	9.585.996.166	19.005.873.520	9.585.996.166
Cổ tức, lợi tức được chia từ công ty con	2.422.928.661	6.349.228.444	2.422.928.661	6.349.228.444
Hoạt động kinh doanh chứng khoán	558.302.687	-	4.854.797.284	73.474.868
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.965.575	71.983.851	48.979.781	156.416.561
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.058.015	-	1.058.015	-
Lãi tài chính khác	12.017.257.920	-	12.017.257.920	-
Cộng	34.668.880.721	16.386.511.417	39.089.784.438	16.600.171.424

4. Chi phí tài chính

	Quý II năm 2018	Quý II năm 2017	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.925.831.678	-	4.474.115.167	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.235.949.855	-	5.235.949.855	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	86.314.726	1.192.586	88.964.035	37.955.556
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	9.102.401	-	9.102.401
Cộng	7.248.096.259	10.294.987	9.799.029.057	47.057.957

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	556.065.401	393.990.200	1.199.766.742	1.104.091.801
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	19.500.000	27.072.732	39.499.000	54.145.464
Chi phí dụng cụ quản lý	12.772.533	3.957.939	27.536.507	23.336.746
Chi phí khấu hao	94.396.953	94.396.953	188.793.906	188.793.906
Thuế phí và lệ phí	8.711.000	5.715.056	11.771.676	9.504.989
Chi phí dự phòng	197.200.000	-	197.200.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	220.669.544	196.896.462	476.271.242	455.927.411
Chi phí bằng tiền khác	135.399.077	69.235.151	184.192.114	153.837.570
Cộng	1.244.714.508	791.264.493	2.325.031.187	1.989.637.887

6. Lợi nhuận khác

Thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	242.551.483	-	118.975.735	254.545.456
Thu nhập khác	6.913.461	-	81.846.424	4.000.000
Cộng	249.464.944	-	200.822.159	258.545.456

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Lỗ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	-	-	252.906.989
Chi phí khác	46.886.700	-	46.896.332	-
Cộng	46.886.700	-	46.896.332	252.906.989

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.504.794.985	10.189.523.196
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	(21.841.302.181)	(7.047.801.335)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Trừ các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	(21.841.302.181)	(7.047.801.335)
Thu nhập chịu thuế	5.663.492.804	3.141.721.861
Thuế suất	20%	20%
Thuế suất áp dụng thông thường	1.132.698.561	628.344.372
Ưu đãi miễn thuế	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.132.698.561	628.344.372

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Quyết toán thuế của các Công ty con và Công ty mẹ sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Quý II năm 2018	Quý II năm 2017	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	783.948.084	1.001.672.845	1.682.561.091	1.670.672.382
Chi phí nhân viên	2.302.604.212	2.761.857.004	5.180.767.883	5.621.136.862
Chi phí khấu hao	1.479.334.336	1.186.786.734	2.653.067.903	2.378.328.608
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.128.531.708	3.899.169.359	8.289.627.915	7.460.792.885
Chi phí bằng tiền khác	148.329.939	104.081.667	357.159.633	271.616.157
Cộng	8.842.748.279	8.953.567.609	18.163.184.425	17.402.546.894

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Công ty con
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Công ty con
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Hàng Hải Hưng Phú	Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty có phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

	<u>6 tháng đầu năm 2018</u>	<u>6 tháng đầu năm 2017</u>
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát		
Mua dịch vụ	13.298.500	17.702.318
Lợi nhuận được chia	1.098.086.535	1.351.724.429
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh		
Mua dịch vụ	31.500.000	141.375.455
Bán dịch vụ	145.560.000	-
Lợi nhuận được chia	1.324.842.126	3.668.182.115
Công ty TNHH DV Hàng Hải Hải Minh		
Thanh lý tài sản cố định	-	254.545.456
Lợi nhuận được chia	-	1.329.321.900
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)		
Cung cấp dịch vụ	368.251.948	2.149.092.058
Cổ tức được chia	13.369.168.883	9.585.996.166
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh		
Cung cấp dịch vụ	642.759.428	965.108.918
Cổ tức được chia	3.334.677.897	-

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018. Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>Số dư 30/06/2018</u>	<u>Số dư 01/01/2018</u>
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát		
Phải thu khác	1.324.842.126	-
Phải trả khác	209.400.000	98.000.000
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh		
Phải thu khác	1.811.259.400	2.868.182.115
Phải trả người bán	18.600.000	-
Phải trả khác	198.300.000	75.000.000
Công ty TNHH DV Hàng Hải Hải Minh		

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Phải thu khách hàng	37.800.000	280.000.000
Phải thu khác	1.329.321.900	1.329.321.900
Phải trả khác	-	49.500.000
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)		
Phải thu	-	2.533.902.494
Phải thu khác	13.369.168.883	6.352.378.277
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh		
Phải thu khách hàng	356.224.642	767.783.359
Phải thu khác	7.435.394.531	-
Phải trả tiền ký quỹ thuê văn phòng	140.000.000	140.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Lương, thưởng và phụ cấp	915.300.000	777.000.000
Cộng	915.300.000	777.000.000

2. Giải trình kết quả kinh doanh giảm so với cùng kỳ năm trước

Suy thoái kinh tế tiếp tục kéo dài và bất ổn chính trị tại một số cường quốc có ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế toàn cầu là những nguyên nhân chính gây ảnh hưởng lớn đến Dịch vụ Logistic nói chung và làm suy giảm hiệu quả kinh doanh của một số dịch vụ tại đơn vị nói riêng Do đó Công ty đã không thể tiếp tục triển khai một số dịch vụ do các biến động khách quan của thị trường...làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Tuy nhiên trong kỳ Công ty chuyển nhượng vốn góp liên doanh, liên kết của hai đơn vị (như các NQ số 05-2017/NQ-HĐQT và NQ số 01/2018/NQ-HĐQT) làm cho doanh thu hoạt động tài chính tăng đáng kể kéo theo tổng lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2018 tăng 43% so cùng kỳ 2017 tương ứng tăng 7.923.494.325 VND.

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2018



NGUYỄN THẾ HÙNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng